

Tổ Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN
NGŨ VĂN – LỚP 10
Năm học: 2023 – 2024

***MA TRẬN ĐỀ**

A	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Thần thoại và sử thi	3	3	1	1	60
		Truyện					
		Thơ trữ tình					
		Sân khấu dân gian (chèo/tuồng)					
		Văn nghị luận					
		Văn bản thông tin					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1*	1*	1*	1*	40
		Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/tác phẩm văn học					
		Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm					
		Viết bài luận về bản thân					
		Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng					
Tỉ lệ%			25%	45%	20%	10%	100
Tổng			70%		30%		

Commented [A1]: 3 câu tự luận nhận biết = 1,5 điểm

Commented [A2]: 3 câu tự luận thông hiểu = 3,0 điểm

Commented [A3]: 1 câu tự luận vận dụng = 1,0 điểm

Commented [A4]: 1 câu tự luận vận dụng cao = 0,5 điểm

B. PHẠM VI (KIẾN THỨC CƠ BẢN)

I. VĂN BẢN ĐỌC

1. Sức hấp dẫn của Truyện kể

a. Thần thoại:

*** Nội dung:** Thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy.

*** Hình thức:**

- Chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử...
- Có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn.
- Nhân vật chính: là các vị thần/những con người có nguồn gốc thần linh...được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường...

- Câu chuyện trong thần thoại gắn liền với thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.

- Lời tư duy hồn nhiên, chất phác, ý tưởng bay bổng, lãng mạn.

b. Truyện truyền kì:

*** Nội dung:**

- Kể về những câu chuyện kì lạ.
- Phản ánh những vấn đề thiết yếu của con người, thời đại.

*** Hình thức:**

- Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo.
- Xây dựng các nhân vật có hành trạng khác thường.

c. Truyện ngắn hiện đại (văn học lãng mạn 1930- 1945)

*** Nội dung:**

- Xây dựng nhân vật trong mối quan hệ với cái đẹp.
- Gửi gắm những suy nghĩ sâu kín về con người; thời đại.

*** Nghệ thuật:**

- NT xây dựng tình huống truyện; tạo dựng nhân vật; thủ pháp đối lập tương phản.
- Ngôn ngữ tạo hình; giàu chất họa vừa cổ kính vừa hiện đại....

2. Vẻ đẹp của Thơ ca.

a. Thơ Hai Cú

*** Nội dung:** Thể hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng.

*** Hình thức:**

- Bài thơ Hai-cú (Haiku) trong tiếng Nhật chỉ gồm 3 dòng (dòng 1 và dòng 3 có năm âm tiết, dòng 2 có bảy âm tiết).
- Thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải; thường sử dụng quý ngữ.
- Kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.

b. Thơ Đường luật:

*** Nội dung:**

- Thể hiện tình yêu thiên nhiên.
- Tình yêu quê hương, đất nước.

*** Hình thức:**

- Về bố cục: gồm 4 cặp câu tương ứng với bốn phần: đề – thực – luận – kết.
- Về luật bằng – trắc: Có quy định về sự hài thanh trong từng câu và trong các bài để đảm bảo sự cân bằng, hài hoà cho âm hưởng của toàn bộ bài thơ.
- Về đối: Đối ở câu thực và câu luận.
- Tứ thơ: Xây dựng theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít gợi nhiều, chú trọng miêu tả gián tiếp hơn là trực tiếp.

c. Thơ Mới (1932 – 1945).

*** Nội dung:** Bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo.

*** Hình thức:**

- Đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại trước đó.

- Câu thơ, các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn.

- Hình ảnh thơ bộc lộ rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới của tác giả.

3. Sức sống của Sử Thi

*** Nội dung:**

- Xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng của cộng đồng.

- Phản ánh diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng.

*** Hình thức:**

- Dung lượng đồ sộ.

- Nhân vật sử thi: Là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người.

- Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng

- Lời kể trong sử thi: Thành kính, trang trọng, nhịp điệu chậm rãi, trần thuật tỉ mỉ, thường xuyên sử dụng thủ pháp so sánh trùng điệp, mang tính khoa trương, cường điệu.

4. Tích trò sân khấu dân gian

a. Chèo:

*** Nội dung:** Thể hiện những vấn đề trong cuộc sống xã hội, con người.

*** Hình thức:**

- Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một tích trò (còn gọi là tích truyện, chèo bản hay đơn giản là tích có sẵn).

- Nhân vật của chèo: Gồm nhiều hạng người trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Gồm 2 loại chính: vai chính (tích cực) và vai lệch (tiêu cực).

b. Tuồng:

*** Nội dung:** Diễn đạt những vấn đề trong cuộc sống xã hội, con người.

*** Hình thức:**

- Nghệ thuật tuồng: Mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo.

- Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư, tật xấu hay đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Sử dụng từ Hán Việt:

- Nhận biết được từ Hán Việt.

- Giải thích được nghĩa của các từ ngữ Hán Việt.

- Nêu được ý nghĩa của việc sử dụng từ Hán Việt.

- Lưu ý khi dùng từ Hán Việt (đảm bảo đúng ý nghĩa, ngữ cảnh).

2. Lỗi về dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa:

- Nhận biết được lỗi sai khi dùng từ và sửa lỗi sai đó.
- Nhận biết được các lỗi về trật tự từ và sửa lỗi sai.
- Đưa ra được các phương án sửa lỗi sai phù hợp.

3. Lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa.

- Hiểu thế nào là liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản.
- Nhận biết được dấu hiệu của sự mạch lạc.
- Thấy được những lỗi sai khi liên kết, diễn đạt.
- Đưa ra được các phương án sửa lỗi sai đó.

4. Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản.

- Hiểu ý nghĩa của việc trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản.
- Nâng cao kĩ năng sử dụng trích dẫn.
- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

III. ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

1. VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)

a. Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

- * Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện là dạng bài mà ở đó ta bày tỏ những nhận xét, quan điểm riêng biệt.
- * Các yếu tố của truyện gồm:

- + Chủ đề
- + Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: nhan đề, cốt truyện, nhân vật, tình huống truyện, lời thoại, ngôi kể...

Ví dụ:

- Yếu tố kỳ ảo trong truyện thần thoại.
- Tình huống cho chữ trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

b. Yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

- * Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- * Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- * Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- * Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- * Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

c. Dàn ý chung của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

- * **Mở bài:** Nêu vấn đề cần nghị luận.
- * **Thân bài:** Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.
- * **Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận và giá trị của tác phẩm

2. VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ.

a. Tìm hiểu những đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm thơ

* Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần.

* Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết.

* Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đã được giới thiệu trong các bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục. Mặt khác, kiểu bài này cũng vẫn khuyến khích người viết thể hiện những rung cảm và tưởng tượng của mình khi chiêm lĩnh bài thơ.

b. Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ gồm:

* Mạch cảm xúc của thi nhân được gửi qua những rung động và tình cảm của nhân vật trữ tình.

* Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...

c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

* Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá).

* Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...)

* Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

d. Dàn ý chung của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

* **Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, thời điểm ra đời, nơi xuất bản, đánh giá chung của dư luận,...) và nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích trong bài viết.

* Thân bài (cần triển khai các ý):

+ Phân tích, đánh giá mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt điều gì, thông qua hình tượng nào, với cái nhìn và thái độ ra sao,...).

+ Phân tích, đánh giá sự phát triển của hình tượng chính (qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của những phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,...).

+ Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác).

* **Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

3. BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM.

a. Đặc điểm của bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm

* Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm là nêu ý kiến, sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người có thói quen, quan niệm chưa đúng, tiêu

cực thay đổi theo chiều hướng đúng đắn, tích cực.

* *Thói quen* là những cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại lâu ngày.

Ví dụ về thói quen xấu: thói quen vứt rác bừa bãi; lãng phí thời gian, ý lại người khác, dùng thuốc kháng sinh tùy tiện,...

* *Quan niệm* là cách hiểu, cách nhận thức,... của mỗi người về một vấn đề.

Ví dụ về quan niệm chưa đúng đắn như: có tiền là có tất cả, không chơi với những bạn học kém hơn, im lặng là vàng,...

* Vấn đề có thể là một tư tưởng, đạo lý; một hiện tượng có thực trong đời sống con người hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

b. Yêu cầu đối với bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

* Tìm hiểu đề (đọc kĩ đề bài; xác định đối tượng của bài viết, mục đích của bài viết thuyết phục từ bỏ thói quen hoặc quan niệm nào).

* Nêu lí do và phân tích các ảnh hưởng tiêu cực, tác hại của thói quen, quan niệm cần phải thay đổi, từ bỏ.

* Có các dẫn chứng cụ thể, sinh động về những ảnh hưởng tiêu cực, tác hại của thói quen, quan niệm đó.

Ví dụ:

+ Các *số liệu* thống kê

+ Các *ví dụ cụ thể*, sự kiện hoặc tình huống mà bản thân đã trải qua.

+ Các *câu chuyện* truyền tải thông điệp phù hợp với quan niệm của em

+ Các *trích dẫn phát biểu* của những người có liên quan.

* Dự đoán phản ứng và lập luận của người có thói quen, quan niệm mà em muốn thuyết phục để nêu ý kiến phản biện của em.

c. Dàn ý chung của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm

* **Mở bài:** Dẫn dắt và nêu thói quen hoặc quan điểm cần thuyết phục người khác từ bỏ.

* **Thân bài:** Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hoặc quan niệm đó.

* **Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần từ bỏ thói quen hoặc quan niệm chưa tốt; rút ra bài học cho bản thân.

C. ĐỀ MINH HOẠ

ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 10

Năm học: 2023- 2024

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỔ TÍCH ẤM SÚT VÒI

(Trần Đức Tiến)

Trong quán nước bên đường, có một cái ấm pha trà đã cũ. Vòi ấm bị nứt một miếng nhỏ. Chủ quán mấy lần định thay, nhưng vì chưa có tiền nên cứ để dùng tạm. Và lại trông thế nhưng ấm còn tốt chán. Bản thân chiếc ấm như cũng hiểu được hoàn cảnh của ông chủ. Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật thì phải cố làm việc cho tốt. Thế là ấm luôn chú ý giữ cho mình sạch sẽ. Nó hãm trà bằng nước sôi thật khéo, bao giờ trà cũng vừa chín và tỏa hương thơm phức. Khi rót trà ra chén, qua cái vòi bị nứt, nó cẩn thận không để nước rót ra ngoài.

Cái ấm có phần hơi xấu xí ấy cứ tận tình phục vụ khách hết ngày này qua ngày khác. Lâu dần thành quen, ai vào quán cũng chỉ muốn dùng trà trong cái ấm nứt vòi. Mùa đông, có người pha trà xong, còn khum khum hai lòng bàn tay ôm lấy chiếc ấm thật lâu.

Một hôm, bỗng có một vị khách từ nơi xa đến. Nhìn thấy chiếc ấm hơi khác thường, ông ta nhắc lên, chăm chú ngắm nghía hồi lâu. Đoạn cất tiếng nói với chủ quán:

- Ấm quý! Nếu ông bằng lòng để lại cho tôi, tôi sẽ trả cho ông thật hậu.

- Đào ôi! Bác khéo đùa! – Ông chủ nhìn khách nở nụ cười thật thà – Chẳng qua chỉ là cái ấm sứ bình thường, do vô ý tôi đánh mẻ ở vòi. Quán nghèo nên mới phải để dùng tạm...

- Ông bảo ấm bình thường à? Ba trăm năm mà bình thường à?

- Bác vừa nói gì cơ?

- Tôi bảo cái ấm này đã ra đời cách đây ba thế kỉ. Nếu tính tuổi thì tôi với ông còn phải gọi ấm là cụ tổ của cụ tổ đấy! Tóm lại là đồ cổ, quý hiếm cực kì.

Nghe giọng nói quả quyết của ông khách, cái ấm suýt rùng mình. Thiếu bản lĩnh một chút thì nó đã để cho nước sôi trào ra miệng. Nhưng nó kịp trấn tĩnh. Không ai tự biết mình bằng mình, ấm nghĩ thầm. Nó biết nó ra đời ở một cái lò gốm sứ ven sông, chỉ mới cách đây hơn chục năm. Cái ông khách tưởng như sành đồ cổ kia, hóa ra nhìn gà hóa cuốc.

- Thế nào? Ông để lại cho tôi chiếc ấm này chứ?

Chủ quán ngân ngừ, nhìn chiếc ấm như muốn hỏi: “Người ta tha thiết như thế, người tính sao?”

Chiếc ấm im lặng. Nó không nói được, tất nhiên rồi. Đất có nung thành sứ thì cũng chắt chắt nên lời. Nhưng ấm biết suy nghĩ. Và ông chủ hiểu được những suy nghĩ của nó. Chính vì thế mà ông ngẩng lên nói với khách:

- Nó không đồng ý, bác ạ. Nó biết sứ mệnh cao quý của nó là biến những cái búp trà thành thứ nước uống tuyệt vời, như tất cả những cái ấm lão luyện khác. Bao nhiêu năm nay, nó đã tận tụy phục vụ khách hàng của tôi. Đến nỗi sứ mệnh cả mình mà vẫn không nề hà... Khách ở quán tôi ai cũng chuộng nó. Tôi không thể vì tiền mà phụ họ được.

Vậy là cái ấm sứ vôi vẫn được ở lại trong cái quán nước nghèo, làm cái công việc sở trường của nó là pha trà. Đôi khi nó nghĩ: May mà ông chủ quán không tham! Nếu không thì vị khách gà mờ kia đã mất oan cả đồng tiền. Còn nó, dù được trưng bày trong tủ kính, hay quăng quật mua đi bán lại, sao cũng đến lúc thân phận bị lộ tẩy. Tuổi ba trăm năm, hóa ra có mười năm... Lúc ấy thì xấu hổ chết đi được!

Có hôm nào ghé quán nước nhìn thấy chiếc ấm ấy, bạn hãy tưởng tượng thêm những câu chuyện thú vị về nó nhé. Tôi cam đoan chiếc ấm sứ vôi nào cũng chứa trong mình khối chuyện lí thú, có khi cả chuyện cổ tích nữa ấy chứ!

(In trong *Xóm Bờ Giậu*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2. Đặc điểm nổi bật về hình thức của chiếc ấm là gì?

Câu 3. Vì sao vị khách từ nơi xa đến muốn ông chủ quán để lại chiếc ấm?

Câu 4. Chi tiết *Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật, thì phải cố làm việc cho thật tốt* thể hiện điều gì về chiếc ấm cũ?

Câu 5. Theo bạn, vì sao chiếc ấm cho rằng *Không ai tự biết mình bằng mình*?

Câu 6. Anh/chị hiểu được điều gì về chiếc ấm qua câu nói của ông chủ: *Bao nhiêu năm nay, nó đã tận tụy phục vụ khách hàng của tôi. Đến nỗi sứ mệnh cả mình mà vẫn không nề hà... Khách ở quán tôi ai cũng chuộng nó. Tôi không thể vì tiền mà phụ họ được.*

Câu 7. Nhận xét về thái độ, tình cảm mà ông chủ quán dành cho chiếc ấm trong câu chuyện.

Câu 8. Từ câu chuyện về chiếc ấm sứ vôi, bạn rút ra bài học gì cho mình?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) với chủ đề: *Nhìn rõ chính mình.*

4. Đáp án minh họa:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0

	1	Phương thức tự sự	0.5
	2	Đặc điểm nổi bật: chiếc ấm bị nứt vỡ	0.5
	3	Khách từ xa muốn ông chủ quán để lại cho chiếc ấm vì nghĩ nó là đồ cổ, quý hiếm	0.5
	4	Chiếc ấm tự ý thức về khiếm khuyết của mình và gắng sức làm việc thật tốt để bù đắp lại khiếm khuyết đó	0.75
	5	Vì chỉ bản thân mình mới hiểu sâu sắc về chính mình: hiểu những điểm mạnh, điểm yếu; đặc điểm tính cách; giá trị đích thực... của mình.	1.0
	6	Lời nói đó đã cho thấy giá trị của chiếc ấm: Sự kiên trì, tận tụy, sự chăm chỉ, hi sinh. Đồng thời còn cho thấy sự thấu hiểu của ông chủ về chiếc ấm	0,75
	7	Thái độ, tình cảm của ông chủ quán dành cho chiếc ấm: Thấu hiểu, trân trọng, nâng niu, tự hào.	1.0
	8	- Nêu ra bài học cho bản thân. - Lí giải lí do bản thân nêu bài học ấy	1.0
		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</i> Con người cần phải biết nhìn rõ chính mình	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	2.0
	II	* Giới thiệu vấn đề * Giải thích: Nhìn rõ chính mình là tự hiểu, tự nhận thức đầy đủ, đúng đắn về bản thân, về giá trị của mình trong cuộc sống. * Bàn luận: Trong cuộc sống, con người có cần phải nhìn rõ chính mình không? Vì sao? - Cuộc sống của con người phong phú, muôn màu muôn vẻ nhưng cũng rất phức tạp. Nó có thể tác động đến mỗi con người theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực. - Biết nhìn rõ chính mình sẽ giúp con người có thể đứng vững trước những tác động khác nhau của cuộc sống, nhất là khi con người phải đối diện với những tác động tiêu cực. - Biết nhìn rõ chính mình, con người có thể làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống; biết điều chỉnh thái độ với chính mình	0.5

	và những người xung quanh sao cho phù hợp; biết lựa chọn những gì phù hợp và cần thiết với mình. - Nhìn rõ chính mình, con người sẽ hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; biết hạn chế điểm yếu, phát huy điểm mạnh để tự hoàn thiện mình về trí tuệ, tâm hồn, phẩm chất, nhân cách... Đó sẽ là điều kiện thuận lợi để con người có thể hoàn thành mọi công việc hay nhiệm vụ được giao – hoàn thành sứ mệnh của mình với cuộc đời. - Biết nhìn rõ chính mình giúp con người có cách sống, lối sống tích cực, được mọi người xung quanh yêu mến, nể trọng; cuộc sống sẽ trở nên ý nghĩa, nhiều màu sắc và đáng sống hơn... - Nếu ai cũng biết nhìn rõ chính mình, mối quan hệ giữa người với người sẽ trở nên tốt đẹp hơn, xã hội thanh bình, phát triển... * Mở rộng: Phê phán những kẻ không biết nhìn rõ chính mình, ảo tưởng về bản thân nên sống kiêu ngạo hoặc quá tự ti về bản thân nên sống khép kín, hèn nhát... * Bài học nhận thức và hành động - Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của việc nhìn rõ chính mình - Biết nhìn rõ chính mình để có lối sống tích cực, có ý nghĩa... * Đánh giá khái quát về vấn đề	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
		10.0

C. ĐỀ LUYỆN TẬP

*** C1. ĐỀ LUYỆN TẬP (Đề cương ôn tập giữa kì 1 gồm 5 đề sau–
Đã ôn luyện kiểm tra giữa kì 1 - GV yêu cầu học sinh xem lại)**

Đề 01:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Thần Mưa là vị thần hình rồng, thường xuống hạ giới hút nước biển, nước sông vào bụng rồi bay lên trời cao phun nước ra làm mưa cho thế gian có nước uống và cây cối, cây cỏ trên mặt đất được tốt tươi. Thần Mưa thường theo lệnh Trời đi phân phát nước ở các nơi. Thần Mưa có tật hay quên, có vùng cả năm không đến, sinh ra hạn hán ở hạ giới, có vùng lại đến luôn, làm thành lụt lội.

Bức xúc vì hạn hán kéo dài, ngày kia có một con Cóc kéo binh đoàn Gấu, Cọp, Cua, Gà và Ong lên thiên đình kiện Trời, đánh binh đoàn nhà trời tội tã, đến

Thần Sét cũng bại trận tan tành. Trời phải đích thân ra nghênh tiếp, và phát hiện ra Thần Mưa đã ngủ quên cả năm trời. Trời cuống quýt sai Thần Mưa xuống hạ giới làm mưa gấp. Rồi dặn Cóc rằng hễ trời hạn hán thì hãy nghiêng răng, Trời sẽ biết mà làm mưa. Từ đó có câu:

"Con cóc là cậu ông trời
Ai mà đánh nó thì trời đánh cho"

Sau vụ đó, Trời nhận ra công việc phân phối nước cho khắp mặt đất rất nặng nề, một mình thần Mưa có khi không làm hết, nên Trời mở một cuộc thi chọn các giống thủy tộc có tài trở thành rồng hút nước phun mưa giúp sức thần Mưa. Cuộc thi rồng đó Trời đã chọn lấy địa điểm ở cửa Vũ (Vũ Môn) thuộc Hà Tĩnh ngày nay.

Cuộc thi gồm ba kỳ, mỗi kỳ phải vượt qua một đợt sóng, con vật nào đủ sức, đủ tài, vượt qua cả ba đợt thì mới đậu để được hóa Rồng. Trong một tháng trời, bao nhiêu loài thủy tộc đến thi đều bị loại, vì không con nào vượt trội được cả ba đợt sóng. Có con cá rô nhảy qua được một đợt, đợt sau thì bị rớt. Có con tôm nhảy qua được hai đợt, ruột gan vầy vầy râu đuôi đã gần hóa rồng. Khi đến đợt ba, đuôi sức bị té nên lưng cong lại.

Đến lượt có một con cá chép vào cuộc thi, con cá này bản chất của nó đã là quý hiếm đặc biệt, vì trong miệng nó có ngậm một viên ngọc trai. Thần Gió thấy lạ bay đến để xem, gió, mây ào ạt kéo đến, sấm sét ầm trời, và những đợt sóng cao trời dậy, đưa cá chép ào ào vượt qua cả ba đợt sóng tới Vũ Môn nhà ngọc hóa rồng. Do đó mà trong dân gian đã có câu ca dao về việc cá chép hóa rồng.

"Mông ba cá đi ăn thề
Mông bốn cá về cá vượt Vũ Môn"

(Theo <http://truyenxuatichcu.com/than-thoai-viet-nam/than-mua.html>)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Trong văn bản trên, Thần Mưa được miêu tả là vị thần

- A. hình dạng kì quặc, không có đầu
- B. mặt mũi nanh ác, tiếng quát tháo rất dữ dội
- C. hình rồng, thường hút nước vào bụng, rồi bay lên trời cao phun nước
- D. thân thể to lớn, bước một bước là từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia

Câu 2: Dòng nào dưới đây nêu **không** đúng cách Thần Mưa làm ra mưa?

- A. xuống hạ giới hút nước biển, nước sông vào bụng
- B. bay lên trời cao phun nước
- C. làm mưa cho thế gian có nước uống và cây cối, cây cỏ tốt tươi
- D. phân phát nước cho mặt đất khi nghe Cóc nghiêng răng

Câu 3: Thần Mưa có tật xấu gì?

- A. hay quên
- B. ham chơi
- C. lười biếng
- D. bừa bãi

Câu 4: Tật xấu ấy của Thần Mưa đã gây họa gì cho nhân gian?

- A. gây ra lũ lụt, hạn hán.
- B. gây ra cảnh kiện tụng
- C. khiến binh đoàn nhà trời bị đánh tơi tả
- D. khiến Thần Sét bại trận tan tành.

Câu 5: Chi tiết con cá rô thi rồng bị rớt, con tôm nhảy sóng đến đợt ba, đuôi sức

bị té nên lưng cong lại ... cho thấy vượt vũ môn là công việc như thế nào?

- A. thú vị B. khó khăn C. nhàm chán D. dễ dàng

Câu 6: Chi tiết cá chép hoá rồng có ý nghĩa gì?

- A. tượng trưng cho sức mạnh siêu nhiên, thần bí
B. tượng trưng cho may mắn tự nhiên mà có
C. tượng trưng cho sự nỗ lực, thành công và may mắn
D. tượng trưng cho những khó khăn, thử thách cần vượt qua trong cuộc sống

Câu 7: Truyện Thần Mưa có ý nghĩa gì?

- A. phản ánh những xung đột giữa muôn loài.
B. phản ánh tư duy nhận thức của con người về “hạ giới” và “thiên đình”
C. giải thích nguồn gốc của một số câu ca dao

D. giải thích hiện tượng mưa lụt, hạn hán và hình dạng của một số loài thủy sản

Trả lời các câu hỏi:

8. Theo bạn, có thể lược bỏ chi tiết miêu tả: *con Cóc kéo binh đoàn Gấu, Cọp, Cua, Gà và Ong lên thiên đình kiện Trời, đánh binh đoàn nhà trời rơi tã, đến Thần Sét cũng bại trận tan tành* trong văn bản hay không? Vì sao?

9. Bạn rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản?

10. Sau ba lần vượt qua đợt sóng, cá chép đã vượt vũ môn thành công. Từ chi tiết này, bạn nghĩ gì về sự thành công trong cuộc sống? (Trả lời bằng 4-5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản *Thần Mưa*.

Đề 02:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc truyện thần thoại sau:

Ngày xưa, khi vạn vật còn chưa có, thế giới đã tồn tại ông Trời. Ông Trời có một quyền phép vô song, quyền phép tối cao nhất mà các vạn vật sau này không thể sánh bằng. Trời làm ra tất cả mọi thứ: trái đất, núi non, sông, biển, mưa, nắng. Trời sinh ra tất cả: loài người, cỏ cây, muôn thú... Từ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao trên trời cho đến vạn vật ở mặt đất, tất cả đều do Trời tạo nên.

Mắt của trời rất tinh tường, am hiểu và biết hết mọi sự xảy ra trên thế gian. Trời là cha đẻ muôn loài, xét đến muôn việc, thường phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có đạo Trời, nhờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng, và đến khi chết thì về châu Trời.

Trời cũng có vợ, gọi là bà Trời, và mỗi khi hai ông bà cãi mắng nhau là lúc trời vừa mưa vừa nắng. Mỗi lúc Trời giận loài người làm lỗi ở thế gian thì giáng xuống thiên tai, bão táp, lụt lội, hạn hán...

Giang sơn của Trời là từ mặt đất lên đến trên cao, có chín tầng trời, và chỗ giáp với đất gọi là chân trời. Trời vô hình, không nói, nhưng người ta tin là ở đâu đâu cũng có mặt của Trời, không một ai tránh khỏi lưới Trời, mọi việc đều do Trời định.

Ông Trời của Việt Nam thời cổ cũng còn gọi là Ngọc Hoàng (...) Tương truyền rằng Ngọc Hoàng dùng đất sét nặn ra người xong, đem phơi nắng cho khô thì bỗng gặp một trận mưa to. Ngọc Hoàng vội vàng đem các tượng cất đi, song có vài tượng không lấy kịp, bị nước mưa làm hư. Các tượng hư hóa thành những người tàn tật ở trên mặt đất, còn những tượng kịp cất đi hóa thành những người lành lặn, đủ tay chân.

Ngọc Hoàng ở trong một cung điện giống như cung điện nhà vua dưới trần. Ở cửa điện có một thần mặc áo giáp cầm gậy giữ cửa. Ngọc Hoàng họp các quan lại tại đây. Triều đình cũng không khác gì ở hạ giới (...). Ngọc Hoàng luôn vận sắc phục đại triều, áo thêu rồng vàng, đầu đội mũ có tua đỏ dài mười ba viên ngọc ngũ sắc, tay cầm hốt. Ngọc Hoàng thường ngự trên ngai chạm rồng mỗi lần thiết triều để xử việc trên trời hay ở thế gian. Bên tả và hữu của Ngọc Hoàng có các thần nhà trời châu chực để Ngọc Hoàng sai khiến.

Cõi trời chia ra chín tầng, có người nói là ba mươi ba tầng, các vị thần trời tùy theo chức tước cao thấp mà ở theo thứ tự mỗi tầng. Ngọc Hoàng là bậc tối cao, ở tầng thứ nhất.

(“Ông Trời”, trích từ “Thần Thoại Việt Nam” – Thu Nga, Việt Dũng, Hoàng Minh, NXB Thanh Niên)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đây là phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong truyện thần thoại “Ông Trời”: (0,5 điểm)

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Thuyết minh

Câu 2. Truyện thần thoại “Ông Trời” sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

- A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Đáp án A và C

Câu 3. Chi tiết nào sau đây nói về đặc điểm của không gian trong truyện “Ông Trời”: (0,5 điểm)

- A. Trời là một bậc quyền phép vô song ở trên cao, làm ra tất cả
B. Giang sơn của Trời là từ mặt đất lên đến trên cao, có chín tầng trời
C. Trời sinh ra tất cả loài người, muôn vật, cỏ cây
D. Trời thấy tất cả, biết hết mọi sự xảy ra ở thế gian

Câu 4. Nhân vật chính trong truyện thần thoại trên là ai? (0,5 điểm)

- A. Ông Trời B. Bà Trời C. Ngọc Hoàng D. A và C

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói lên đặc điểm về cốt truyện của truyện thần thoại “Ông Trời”? (0,5 điểm)

- A. Xoay quanh quá trình sáng tạo ra vạn vật và con người
B. Xoay quanh chiến tích của những người anh hùng
C. Xoay quanh cuộc xung đột giữa các bộ tộc
D. Xoay quanh cuộc chiến mở rộng địa bàn

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói về chủ đề của truyện thần thoại “Ông Trời”: (0,5 điểm)

A. Thể hiện khát vọng của người xưa trong việc lí giải các hiện tượng trong tự nhiên

B. Thể hiện niềm tin sơ khai của người xưa về một đấng tối cao tạo ra muôn loài

C. Thể hiện sự lạc hậu về kiến thức khoa học và kĩ thuật của người xưa

D. Cả A và B

Câu 7. Qua truyện thần thoại trên, người xưa thể hiện thái độ như thế nào đối với Ông Trời? (0,5 điểm)

A. Thái độ ghét bỏ B. Thái độ sợ hãi C. Thái độ tôn kính D. Không bộc lộ thái độ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Nêu nội dung khái quát của truyện thần thoại “Ông Trời”? (0,5 điểm)

Câu 9. Bạn hiểu như thế nào về cụm từ “đạo Trời” được nói tới trong truyện ? (0,5 điểm)

Câu 10. Theo bạn, trong thời đại ngày nay, niềm tin về sự có mặt của Ông Trời có còn hợp lí không? Lí giải? (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật của truyện thần thoại “Ông Trời”.

Đề 03:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Huyện Đông Triều có bà đỡ là bà Trần. Một đêm bà nghe tiếng gõ cửa, bèn mở cửa nhìn khắp xung quanh mà chẳng thấy ai. Đột nhiên, có con hổ chồm tới cổng bà đi. Ban đầu, bà sợ chết khiếp. Sau đó bà tỉnh táo lại, thấy hổ dùng một chân trước ôm bà chạy như bay, gặp bụi rậm gai góc thì dùng chân rẽ lối, từ từ mà đi. Tới chỗ ngọn núi sâu trong rừng, hổ thả bà xuống. Bà lại thấy một con hổ cái đang cào đất, lăn lộn. Bà cho là hổ định ăn thịt mình, sợ hãi không dám động đậy. Hổ dùng chân chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nước mắt. Bà thấy như có cái gì động đậy trong bụng hổ cái, biết là nó sắp đẻ. Sẵn có thuốc kích đẻ trong dải áo, bà bèn hòa với nước suối cho nó uống. Cảm thấy hổ cái đỡ đau, bà lại xoa bóp bụng cho nó. Lát sau thì hổ sinh con. Bà thấy hổ được mừng rỡ đùa giỡn với con mình, còn hổ cái thì nằm phục xuống, đáng mệt mỏi lắm. Hổ được rời khỏi gốc cây, đến bên bà đỡ, quỳ chân trước trên đất, vừa quỳ vừa nhìn bà, lát sau đưa ra một khối bạc. Bà biết hổ tặng mình, nhận lấy và buộc vào thắt lưng. Hổ được từ từ đứng dậy, vừa đi vừa ngoái nhìn bà. Bà theo hổ ra khỏi rừng. Lúc rời khỏi khu rừng, trời sắp sáng, bà giơ tay nói: “Xin chúa sơn lâm quay về”. Hổ bèn dừng lại quỳ xuống, hướng về bà đỡ cúi đầu vẫy đuôi tỏ ý tiễn biệt. Bà đi khá xa, hổ mới gầm lớn rồi rời đi. Bà về đến nhà, bỏ bạc ra cân được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, bà nhờ có số bạc ấy mà sống qua được.

Huyện Lạng Giang có người tiểu phu nọ đang kiếm củi ở chân núi. Từ xa thấy cây cối trong thung lũng phía trước ngọn núi lay động không ngớt, bác tiểu phu

vác búa đến xem. Bác ngó quanh thì thấy một con hổ trán trắng, to như con bò, khi thì cúi đầu cào đất, khi thì nhảy lên vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, miệng ngoác lớn như cái sàng, máu chảy lênh láng. Bác tiểu phu thấy miệng hổ có một khúc xương mắc trong họng. Bàn chân hổ móng vuốt lớn, cào móc, khúc xương cào vào sâu. Bác tiểu chậm rãi uống rượu lấy can đảm, rồi trèo lên cây hô lên rằng: “Cổ họng người đau phải không? Đừng cần ta, ta sẽ lấy xương ra cho người”. Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng hướng về bác tiểu như cầu cứu. Bác tiểu trèo xuống, thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò to như cánh tay. Hổ liếm mép, vừa bỏ đi vừa nhìn khuôn mặt bác tiểu. Bác tiểu hô lớn: “Nhà ta ở thôn ấy, hễ được miếng ngon thì nhớ nhau nhé”. Bác tiểu ra về được mấy hôm, nửa đêm nghe thấy ngoài cửa có tiếng kêu rất dữ dội. Sáng hôm sau mở cửa, bác tiểu thấy có một con hươu chết ở đó. Nhiều năm sau, bác tiểu qua đời. Lúc sắp chôn, một con hổ bỗng nhiên đến trước mộ. Những người đưa đám bỏ chạy, từ xa thấy hổ dùng đầu dúi vào quan tài, gầm gừ, gào lớn, đi quanh quan tài vài vòng rồi bỏ đi. Về sau, mỗi dịp đến ngày giỗ bác tiểu, hổ lại đưa hươu, lợn đến để ngoài cửa, mấy chục năm liền.

(Vũ Trinh – Con hổ có nghĩa, Dương Tuấn Anh dịch, tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, tháng 5/2021, tr. 47-49)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản? (0,5 điểm)

- A. Biểu cảm B. Tự sự C. Thuyết minh D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản “Con hổ có nghĩa” thuộc thể loại nào sau đây: (0,5 điểm)

- A. Truyện viễn tưởng B. Truyện cổ tích C. Truyện hư cấu D. Truyện thần thoại

Câu 3. Bà đỡ Trần và người tiểu phu đã giúp đỡ những con hổ việc gì? (0,5 điểm)

- A. Lấy khúc xương mắc trong cổ con hổ B. Đỡ đẻ cho con hổ cái
C. Dẫn những con hổ về rừng D. Cả A và B

Câu 4. Những con hổ đã có hành động gì đối với những người cứu giúp chúng? (0,5 điểm)

- A. Báo đáp ơn nghĩa B. Vong ân bội nghĩa
C. Làm hại người đã cứu giúp D. Không có hành động gì

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của văn bản: (0,5 điểm)

- A. Nói về việc người tiểu phu gỡ khúc xương mắc trong họng con hổ và được con hổ trả ơn

- B. Nói về việc bà đỡ Trần đỡ đẻ cho con hổ cái và được con hổ đực trả ơn

- C. Nói về việc bà đỡ Trần và người tiểu phu đi vào rừng thì gặp những con hổ

- D. Nói về việc bà đỡ Trần và người tiểu phu giúp đỡ những con hổ và được chúng trả ơn

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói về chủ đề của văn bản: (0,5 điểm)

- A. Ca ngợi hành động sẵn sàng giúp đỡ người khác của bà đỡ Trần

- B. Ca ngợi hành động dũng cảm của người tiểu phu

C. Ca ngợi lối sống biết đền ơn đáp nghĩa của những chú hổ

D. Ca ngợi lòng yêu thương giữa con người và loài vật

Câu 7. Văn bản “con hổ có nghĩa” muốn gửi gắm thông điệp gì đến bạn đọc? (0,5 điểm)

A. Sống cần phải biết giúp đỡ người khác

B. Nhận ơn phải biết ghi nhớ và trả ơn

C. Sống cần phải biết yêu thương người khác

D. Làm ơn thì không cần chờ người trả ơn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Bạn rút ra được bài học gì sau khi đọc văn bản trên? (0,5 điểm)

Câu 9. Theo bạn, việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? (1,0 điểm)

Câu 10. Nêu cảm nghĩ về một chi tiết mà em thấy ấn tượng nhất. (Viết khoảng 5 – 7 dòng) (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn đã cho ở phần Đọc hiểu.

Đề 04:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Ngày xưa chào mẹ, ta đi
Mẹ ta thì khóc, ta đi thì cười
Mười năm rồi lại thêm mười
Ta về ta khóc, mẹ cười... lạ không ?
“Ông ai thế? Tôi chào ông!”
Mẹ ta trí nhớ về... mệnh mông rồi
“Ông có gặp thằng con tôi?
Hao hao... tôi nhớ... nó người... như ông”
Mẹ ta trở nhớ về không
Trả trăm năm lại bụi hồng... rồi đi.
 (“Mẹ ta trả nhớ về không” – Đỗ Trung Quân)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

A. Tự do

B. Lục bát

C. Song thất lục bát

D. Thất ngôn bát cú đường luật

Câu 2. Xác định chủ thể trữ tình trong bài thơ? (0,5 điểm)

A. Tác giả

B. Người mẹ

C. Nhân vật xưng “ta”

D. Khuyết chủ

thể trữ tình

Câu 3. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ? (0,5 điểm)

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Nghị luận

D. Thuyết minh

Câu 4. Biện pháp tu từ nào sau đây được sử dụng trong bốn dòng thơ đầu? (0,5

điểm)

- A. Ẩn dụ B. So sánh C. Nhân hóa D. Đối lập

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói về tâm trạng của nhân vật “ta” trong bốn dòng thơ đầu? (0,5 điểm)

- A. Vui mừng trong ngày ra đi, xúc động trong ngày trở về
B. Vui mừng trong ngày ra đi, thất vọng trong ngày trở về
C. Buồn bã trong ngày ra đi, vui mừng trong ngày trở về
D. Khóc lóc trong ngày ra đi, vui cười trong ngày trở về

Câu 6. Những dấu chấm lửng (...) được sử dụng trong bài thơ có tác dụng gì? (0,5 điểm)

- A. Thể hiện thái độ ngập ngừng của người nói
B. Tạo khoảng lặng để người đọc suy ngẫm
C. Tăng tính bất ngờ nhằm gây cảm xúc mạnh cho người đọc
D. Cả ba đáp án trên

Câu 7. Qua bài thơ, nhân vật “ta” muốn bộc lộ nỗi niềm gì với người mẹ của mình? (0,5 điểm)

- A. Niềm vui sướng khi được gặp lại mẹ sau mười năm xa cách
B. Tình yêu thương, niềm day dứt đối với người mẹ của mình
C. Lòng biết ơn đối với người đã có công sinh thành dưỡng dục
D. Nỗi ân hận vì đã không thể ở bên cạnh để chăm sóc mẹ của mình

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Câu nói nào của người mẹ trong bài thơ gây bất ngờ nhất với bạn? Lí giải? (0,5 điểm)

Câu 9. Từ nội dung bài thơ, bạn rút ra được bài học gì cho bản thân? (1,0 điểm)

Câu 10. Viết khoảng 5 – 7 dòng trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của tình mẫu tử. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ “Mẹ ta trả nhớ về không” (Đỗ Trung Quân)

Đề 05:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang
xuân?

Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

(2) Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa

Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!
Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(*Chân quê*, Nguyễn Bính, in trong tập *Tâm hồn tôi*, 1940)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát B. Song thất lục bát C. Tự do D. Thất ngôn bát cú

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

- A. Tác giả B. Cô gái C. Chàng trai D. Nhân vật em

Câu 3. Qua bài thơ, bạn hiểu như thế nào về từ “chân quê”?

- A. Hình ảnh ẩn dụ chỉ con người của quê hương
B. Quê hương của mỗi người
C. Hồn quê đích thực, vẻ đẹp mộc mạc, đầm thắm của quê hương
D. Nguồn gốc của con người

Câu 4. Hình ảnh nào trong bài thơ không gắn liền với làng quê?

- A. Con đê B. Áo cài khuy bấm C. Yếm lụa sồi D. Áo tứ thân

Câu 5. Câu thơ “Van em em hãy giữ nguyên quê mùa” xét theo mục đích nói thuộc loại câu gì?

- A. Câu nghi vấn B. Câu cảm thán C. Câu trần thuật D. Câu cầu khiến

Câu 6. Nguyễn Bính được mệnh danh là:

- A. Ông vua thơ tình B. Nhà thơ lạ nhất trong các nhà thơ mới
C. Thánh thơ D. Thi sĩ của đồng quê

Câu 7. Qua bài thơ, nhân vật trữ tình muốn nhắn nhủ với “em” điều gì?

- A. Phải luôn đổi mới bản thân B. Hãy mang những nét đẹp của thành phố về với thôn quê
C. Hãy giữ gìn nét đẹp truyền thống D. Đừng từ chối tình cảm của nhân vật trữ tình

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Trong 4 câu thơ sau khổ 1 có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

Câu 9. Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) thuyết phục người khác cần giữ gìn bản sắc dân tộc.

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Bạn hãy viết một bài văn ngắn phân tích đoạn (2) bài thơ “*Chân quê*”- Nguyễn Bính trong phần đọc hiểu.

***C2. ĐỀ LUYỆN TẬP (Mới)**

I. PHẢN ĐỌC (6,0 điểm)

Đề 01:

I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)

*** Đọc văn bản sau : Chữ Lầu**

(Thần thoại H'Mông)

Chữ Lầu sau khi sáng tạo ra trời đất bèn làm một lúc 10 mặt trời, 9 mặt trăng và rất nhiều sao để chiếu rọi cho khô ráo và cho sáng. Về sau vì loài người sợ rằng những thứ đó rơi xuống có thể làm nguy hại cho trần gian nên xin Chữ Lầu cất đi nhưng Chữ Lầu không cất, chỉ làm thêm một cái màn xanh ngăn giữa đất và tinh cầu để cho loài người an tâm. Mười mặt trời là nữ, chín mặt trăng là nam được Chữ Lầu cho một cái hôn vào miệng và thổi hơi cho hoạt động. Những tinh cầu ấy hun đốt trong bảy năm liền. Trong thời gian đó, chỉ có ngày mà không có đêm.

Khi đất đã khô ráo, Chữ Lầu làm ra mọi thứ cỏ cây, muôn vật và người. Con người

do Chử Lâu dùng đất nặn thành, cho hồn vào bụng, tiếng nói ở cổ họng và thổi hơi vào cho sống. Mọi vật phát triển rất chóng, chỉ mấy lúc mà đầy cả mặt đất. Nhưng vì nóng quá, con người bèn chặt cây lớn làm cung tên khổng lồ, bắn vào các mặt trời và mặt trăng. Chín mặt trời và tám mặt trăng trúng tên ngay còn hai cái nữa trốn thoát.

Trong khoảng đó có đêm không ngày người ta sống trong cảnh đen tối, lạnh lẽo. Họ cố nài mặt trời và mặt trăng trở lại nhưng chúng không nghe. Các giống vật cử cộp đi gọi, nhưng cũng không được. Sau bảy năm, nhờ có gà gọi mãi đến lần thứ bảy, chúng mới chịu trở về, Chử Lâu thưởng cho gà một cái mào đỏ vì có công trạng ấy.

Con người lúc đó sống đến 900 tuổi, đến hạn cũng chết, nhưng được vào vườn Din-giang-ca của Chử Lâu. Ở đó tròn 12 ngày tự nhiên lột da, sống và trẻ lại rồi trở về nhà cũ. Nhưng có một nhà nọ, nàng dâu xích mích với mẹ chồng, thường hắt hủi và xỉ vả nên mẹ chồng giận, quyết ở luôn tại vườn Din-giang-ca không về. Ở đây bà ta ăn quả đào trắng, uống nước suối, phạm vào lệnh cấm của Chử Lâu. Chử Lâu giận, bèn cấm loài người không được đến vườn của mình nữa. Từ đó, loài người hề chết là chết luôn.

Lúc đó công việc làm đồng áng rất nhẹ nhàn. Có không có, cây cối tự nhiên mọc và có quả. Ngô ăn được cả lá. Người ta chỉ mất công gieo ngô và lúa là có ăn. Mỗi lần lúa chín tự nhiên nó bay về, không phải gặt. Nhưng có một người kia phần việc là mang com ra đồng cho mọi người ăn, thấy nhóm mình làm việc quá chóng: vừa đặt com ở chỗ này thì họ đã tiến cách đó rất xa. Người ấy bèn xin Chử Lâu hiện cò ra mặt đất để cho công việc chậm lại. Chử Lâu nghe lời. Vì thế mà từ đó công việc đồng áng rất chậm vật. Lại có một nhà khác có người đàn bà nhác không chịu quét dọn nhà cửa để đón lúa nên lúc lúa bay về thấy bắn thiu bèn rủ nhau từ đấy quyết không tự về nữa.

(Theo Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, *Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam*, Tập I: *Văn học dân gian*, phần III, NXB Giáo dục, 1976. Tr.93 – 96)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2. Để chiếu rọi cho khô ráo và cho sáng trời đất, Chử Lâu đã tạo ra cái gì?

Câu 3. Vì sao Chử Lâu thưởng cho gà cái mào đỏ?

Câu 4. Trong truyện *Chử Lâu*, người xưa bày tỏ ước mơ gì?

Câu 5. Từ văn bản trên hãy chỉ ra hai đặc điểm nổi bật về thể loại của văn bản đó?

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: *Lại có một nhà khác có người đàn bà nhác không chịu quét dọn nhà cửa để đón lúa nên lúc lúa bay về thấy bắn thiu bèn rủ nhau từ đấy quyết không tự về nữa*. Tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 7. Chỉ ra các yếu tố thần kì và tác dụng của các yếu tố đó?

Câu 8. Qua văn bản *Chử Lâu*, anh/chị có suy nghĩ gì về cuộc sống hiện thực và khát vọng của con người thời cổ? Viết đoạn văn 8-10 dòng trình bày ý kiến của anh/chị về vấn đề này?

II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Trong cuộc sống, có muôn vàn khó khăn thử thách, con người cần sống có tinh thần lạc quan. Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

ĐỀ 02

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc đoạn trích

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiêu thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tán đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mà để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tán vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tôi mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sấm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên..."

(Trích chuyện *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr. 142)

Trả lời câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?

Câu 3. Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

Câu 4. Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 5. Chi tiết khi Dương Trạm chết, các học trò đều tán đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mà để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về, cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

Câu 6. Cảm nhận của anh/chị về tình thầy trò giữa Phạm Tử Hư và Dương Trạm?

Câu 7. Đặc trưng nổi bật nhất của thể loại được thể hiện trong đoạn trích là gì?

Câu 8. Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, anh/chị có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Tri hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

Từ thời mở cửa chúng ta đã bắt đầu xây dựng được một sinh hoạt đối thoại khá tốt. Trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng đã xuất hiện những cuộc thảo luận tương đối có chất lượng. Nhưng phải nói thật với nhau, để xây dựng được một nền văn hóa đối thoại thực chất còn rất nhiều điều cần phải làm. Một số cá nhân hoạt động văn hóa “nhà nọ nhà kia” hẫng hoi trong lúc tranh cãi về học thuật đã cãi nhau theo nghĩa đen với những lời lẽ rất mất vệ sinh (...) Một số người còn mắc bệnh cay cú “cãi lấy được” cố tìm cách moi móc, cố tình đánh những đòn hiểm để hạ “nóc ao” đối thủ. Chúng ta phải cố gắng trọng thị hơn nữa những bạn đối thoại với ta (đó cũng là thái độ tự trọng) và cố gắng “fair play” (chơi đẹp) đến mức tối đa có thể như những vận động viên có tư cách. Cái bi kịch cũng như cái lớn lao của con người là: Điều gì cũng phải học và điều gì cũng có thể học được.

Ngay từ thời xa xưa các cụ ta đã có những lời khuyên hết sức tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc về đối thoại. Chẳng hạn: “Lời nói không mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, “Lời chào cao hơn mâm cỗ”, “Một sự nhịn là chín sự lành”, “Nói phải củ cải nghe cũng được”. Trong đối thoại một đòi hỏi quan trọng là phải biết lắng nghe. Một thiền sư dạy: không phải vô cớ mà trời sinh ra con người có hai tai và một miệng.

(Lê Đạt, trích Văn hóa đối thoại, trong Đối thoại với đời và thơ, NXB Trẻ, 2008, tr. 12-13)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích?

Câu 3. Theo tác giả, để có văn hóa đối thoại chúng ta cần phải làm gì?

Câu 4. Theo anh/chị văn hóa đối thoại là gì?

Câu 5. Anh/ chị hiểu như thế nào về lời dạy của thiền sư được tác giả nhắc đến trong đoạn trích: “không phải vô cớ mà trời sinh ra con người có hai tai và một miệng”?

Câu 6. Em hiểu như thế nào về nội dung câu nói “Lời nói không mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”?

Câu 7. Anh/chị có đồng tình với quan điểm: “Trong đối thoại một đòi hỏi quan trọng là phải biết lắng nghe”.

Câu 8. Anh/chị rút ra những bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 500 chữ) khuyên người khác từ bỏ thói quen chia sẻ tùy hứng trên các trang mạng xã hội.

ĐỀ 04:

I. PHÂN ĐỌC – HIỂU (6.0điểm)

***Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:**

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được giữ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vát tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bầm. Rồi cụ ngồi nhòm dáy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch ra rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay...

- Đùng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đây để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những câu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần” đấy chứ? ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ “hướng” ở đoạn dưới.

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần”. Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã... “vòng”... Tần”. Chữ “vòng” đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ “thả” ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: cổ, tại, vọng, phán và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

(Trích *Thả thơ*, Vang bóng một thời, Nguyễn Tuân, Nxb Văn học, 1980)

Câu 1. Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 2. Thú văn chương được bàn đến ở đây là gì?

Câu 3. Cụ Nghè Móm chuẩn bị cho thú văn chương đó như thế nào?

Câu 4. Qua đoạn trích anh/chị nhận xét gì về nhân vật cụ Nghè Móm?

Câu 5. Anh/Chị hãy nhận xét về thái độ của người xưa đối với văn chương?

Câu 6. Nhà văn Nguyễn Tuân gửi gắm điều gì qua những dòng văn bản trên?

Câu 7. Anh/chị cho biết ý nghĩa của thú chơi *thả thơ*?

Câu 8. Viết đoạn văn (7-10 dòng) trả lời câu hỏi: làm thế nào để bảo tồn văn hóa truyền thống?

II. PHẢN VIẾT (4.0điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề văn hóa truyền thống trong mối quan hệ với thế hệ trẻ ngày nay.

ĐỀ 05:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:

Khi Uy-lít-xơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người lại trở về chỗ cũ, ngồi đối diện với Pê-nê-lốp, trên chiếc ghế bành ban nãy, rồi nói với nàng:

- Khốn khổ! Hẳn là các thần trên núi Ô-lem-pơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết trong đám đàn bà yếu đuối, vì một người khác chắc chắn không bao giờ có gan ngồi cách xa chồng như thế, khi chồng đi biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới được trở về xứ sở. Thôi, già ơi ! Già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt.

Pê-nê-lốp thận trọng đáp:

- Khốn khổ! Tôi không coi thường, coi khinh ngài, cũng không ngạc nhiên đến rối trí đâu. Tôi biết rất rõ ngài như thế nào khi ngài từ già I-tác ra đi trên một chiếc thuyền có mái chèo dài. Vậy thì, O-ri-clê !

Già hãy khiêng chiếc giường chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uy-lít-xơ xây lên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên giường.

Nàng nói vậy để thử chồng, nhưng Uy-lít-xơ bỗng giật mình nói với người vợ thận trọng:

- Nàng ơi, nàng vừa nói một điều làm cho tôi chột dạ. Ai đã xê dịch giường tôi đi chỗ khác vậy? Nếu không có thần giúp đỡ thì dù là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này. Nếu thần linh muốn xê dịch đi thì dễ thôi, nhưng người trần dù đang sức thanh niên cũng khó lòng lay chuyển được nó. Đây là một chiếc giường kì lạ, kiến trúc có điểm rất đặc biệt, do chính tay tôi làm lấy chứ chẳng phải ai [...]

Người nói vậy, và Pê-nê-lốp bần rùn cả chân tay, nàng thấy Uy-lít-xơ tả đống mười mười sự thực.

Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng và nói:

Uy-lít-xơ ! Xin chàng chớ giận thiếp, vì từ xưa nay chàng vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan.

Ôi ! Thần linh đã dành cho hai ta một số phận xiết bao cay đắng vì người ghét ghen ta, không muốn cho ta được sống vui vẻ bên nhau, cùng nhau hưởng hạnh phúc của tuổi thanh xuân và cùng nhau đi đến tuổi già đầu bạc. Vậy giờ đây, xin chàng chớ giận thiếp, cũng đừng trách thiếp về nỗi gặp chàng mà thiếp không âu yếm chàng ngay. Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời chẳng thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác....Giờ đây, chàng đã đưa ra những chứng cứ rành rành, tả lại cái giường không ai biết rõ, ngoài chàng với thiếp và Ác-tô-rít, một người thị tì của cha thiếp cho, khi thiếp về đây, và sau đó giữ cửa gian phòng vách tường kiên cố của chúng ta. Vì vậy chàng đã thuyết phục được thiếp và thiếp phải tin chàng, tuy lòng thiếp rất đa nghi.

Nàng nói vậy, khiến Uy-lít-xơ càng thêm muốn khóc. Người ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thủy của mình mà khóc dầm dề.

(Trích Ô-đi-xê, sử thi Hy Lạp, HÔ-ME-RO, theo bản dịch ra văn xuôi của PHAN THỊ MIỄN, NXB Văn học, Hà nội, 1983.)

Câu 1. Xác định ngôi kể trong văn bản?

Câu 2. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 3. Nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 4. Câu văn “*Khi Uy-lít-xơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần*” sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 5. Vì sao Pê-nê-lốp đem chiếc giường chứ không phải vật khác để thử thách Uy-lít-xơ?

Câu 6. Nêu ý nghĩa chi tiết *chiếc giường* trong đoạn trích.

Câu 7. Việc chọn cách thử “*bí mật của chiếc giường*” cho thấy vẻ đẹp gì về trí tuệ và tâm hồn của nàng Pê-nê-lốp?

Câu 8. Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của lòng chung thủy trong tình yêu.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích trên.

ĐỀ 06

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?”

(“*Đây thôn Vĩ Dạ*” - Hàn Mặc Tử)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên?

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Câu 3: Tìm những hình ảnh gợi nỗi buồn chia ly của chủ thể trữ tình trong đoạn thơ:

“Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chớ trăng về kịp tối nay?”

Câu 4: Nêu nội dung chính của khổ thơ sau:

*“Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chớ trăng về kịp tối nay?”*

Câu 5: Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu thơ “*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*”?

Câu 6: Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ trong khổ thơ sau:

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?”*

Câu 7: Tình cảm tác giả dành cho thiên nhiên và con người thôn Vĩ như thế nào?

Câu 8: Từ những rung cảm của chủ thể trữ tình trước thiên nhiên trong văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của thiên nhiên trong đời sống mỗi người?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Cảm nhận về đẹp của thiên nhiên và con người qua đoạn thơ:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”*

ĐỀ 07:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Lưu Bình - Dương Lễ là một trong bảy vở chèo cổ đầu tiên của nghệ thuật sân khấu chèo Việt Nam. (Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn tâm giao từ thuở thiếu thời.. Dương Lễ biết phận mình là con nhà nghèo nên ra sức học, còn Lưu Bình cậy mình có của nên lười biếng, ham chơi. Đến khoa thi, Dương Lễ thi đậu được bổ ra làm quan. Còn Lưu Bình thì thi rớt nên sinh ra chán nản, ăn chơi hơn trước, thi mãi không đậu, tiền của thì đâu phải là bất tận rồi cuối cùng cũng hết. Trong lúc đó thì cậu ta sực nhớ đến bạn ngày xưa là Dương Lễ hiện đang làm quan lớn nên tìm đến nhà để nhờ giúp đỡ. Dương Lễ lánh mặt không tiếp, dọn cơm hầm với đĩa cà thơm để đãi, có vẻ khinh bạc. Lưu Bình tức giận tủi nhục ra về, dọc đường ghé lại quán trọ, làm quen với một thiếu phụ tên là Châu Long (vợ lẽ được Dương Lễ cho đi để giúp đỡ, nuôi bạn ăn học thành tài). Nhờ sự khuyến khích giúp đỡ của Châu Long nên Lưu Bình ráng sức học hành tiến bộ, đến khoa thi năm đó thi đỗ Trạng nguyên. Trở về nhà thì không thấy Châu Long đâu nữa. Hỏi thăm khắp nơi không ai biết nàng ở đâu, Lưu Bình cũng không hiểu vì sao Châu Long lại biến mất vào lúc mình đã hiển đạt, nên đâm ra lo lắng, đau khổ,

nhớ thương. Lưu Bình tìm đến thăm Dương Lễ để mắng mỏ mấy câu cho hả giận. Dương Lễ vui vẻ đón tiếp. Lưu Bình toan mở miệng mỉa mai trách móc, thì bỗng thấy Châu Long từ trong bước ra chào. Dương Lễ mới giới thiệu nàng là thiếp thứ ba của mình. Lưu Bình hiểu ngay rằng trước đây Dương Lễ sở dĩ bạc đãi là để khích khí mình, sợ mình không có nơi nương tựa.)

LƯU BÌNH - DƯƠNG LỄ

[...]

LƯU BÌNH – Thương ơi, tôi thì thời không đỡ

Về đến nhà, nhà cháy sạch không

Ờ ờ...bác Dương công rầy đã hiển vinh

Tình bằng hữu ắt thương mình mới phải

Nghĩ đi song còn nghĩ lại

Trông thấy người lại tui đến thân

Ấu là ta đành cố mà sang

Họa người nhớ kim lan nghĩa cũ

Đây đã tới dinh bác Dương rồi đó

Biết cậy ại vào bầm cho cùng

Không biết các chú tiểu đồng đi đâu vắng cả?

HẦU PHÒNG – Anh em ơi, ra quét cùng dinh phải lẽ chẳng? Tôi thẳng Phòng, hầu quan Dương Lễ bấy lâu nay đây tở chân tay Người ăn thôi, tôi lại đặt bày Cửa thừa đãi tha hồ sung sướng. (vừa hát nhịp đuối)Đất ngài đây Thanh lịch đất hữu tình Có đường vô sánh tới dinh quan lưu đồn Ba trăm trấn thủ lưu đồn Ngày thời canh điểm, tối đồn việc quan Chém tre, dẫn gỗ trên ngàn...

Tiếng đế: Chú Phòng ơi, nhà ngoài có khách!

LƯU BÌNH – (chào vào) Tôi chào cậu phòng

HẦU PHÒNG – Anh này lão! Thấy tôi có đưa em gái chào ngay bằng cậu.

LƯU BÌNH – Dạ thưa chú,

HẦU PHÒNG – O, mỗi ngày một quá. Tôi là em ruột anh đấy à?

LƯU BÌNH – Xin thưa với bác...

HẦU PHÒNG – Bác thì tạm được. Tên anh là gì?

LƯU BÌNH – Tên tôi gọi là Lưu Bình vốn quê ở Bắc Ninh Bạn cùng quan Dương Lễ

Từ thuở hàn vi tấm bé

Nhớ ngài xưa tôi vội vã sang hầu.

HẦU PHÒNG – Cái nhà anh này. Quân nước xáo, áo nước đưa, bạn với tôi còn không đáng huống chi bạn đòi bạn với quan, có ra ngay không tôi đánh bây giờ!

LƯU BÌNH – Thưa với bác:

Bạn là bạn lúc hàn vi hai sách một đèn

Còn bây giờ lỡ bước truân chuyên

Sang ăn mây quan tiền, thương gao để về đi học.

HẦU PHÒNG – À, bạn từ lúc còn bưng nghiền mài mực cho nhau kia đấy. Tôi không biết. Bác là học trò thật đấy à? Tôi ra một câu đối, hễ đối được, tôi vào tôi bầm cho. Nghe đây:

Nhĩ tiểu sinh hà xứ đắc lai

LƯU BÌNH – Tôi xin đối rằng: Ngã quân tử đãi thời nhi phát

HẦU PHÒNG – A, hay đấy, giỏi đấy Gửi cùng quan bác

Ngoài hàng kia mời bác sẽ ra
Ông tôi còn đang dở tiệc hoa
Mai sáng sớm, giờ dần sẽ tới
Rồi tôi sẽ liệu lời bẩm tới
Có thể nào sẽ mách bác hay (cùng hạ)
Tiếng đế: Mời quan ra nhà ngoại có khách!
DUƠNG LỄ - Kể từ chiếm được băng vàng
Lòng thương bạn ngày đêm canh cánh
- Hâu, có ai vào bẩm báo gì không?
HẦU PHÒNG – Dạ, có một người nho sĩ Tên gọi Lưu Bình
Nói là bạn với quan từ trước
DUƠNG LỄ - Đúng là bạn của ta rồi. Con trông bác ấy ăn mặc, có khá không?
HẦU PHÒNG – Khá lắm ạ! Bao nhiêu là áo, bao nhiêu là quần, bao nhiêu là khăn! Cái áo
không phải đoạn cũng chẳng phải the
Dưới thì tua mướp quét hè
Trên lại có chỉ thêu bằng rơm màu kim tuyến
DUƠNG LỄ - Thế là áo rách rồi!
HẦU PHÒNG – Hồng áo nhưng được quần ạ!
DUƠNG LỄ - Quần bằng gì? Cáp trắng hay lụa bạch?
HẦU PHÒNG – Bẩm đúng xa thì con nghĩ là quần nhưng đến gần thì hóa ra là cái vôi quần
DUƠNG LỄ - Người có béo tốt không, con?
HẦU PHÒNG – Béo lắm ạ! Nhưng mà chỉ có béo mặt với hai bàn chân thôi.
DUƠNG LỄ - Vây là phú rồi.
Mau ra cửa đình
Để đón mừng bạn quý

(Hề hắt hơi)

- Bớ hề! Sao tao định đón bạn mà con lại hắt hơi
HẦU PHÒNG – Dạ, bẩm quan, mũi giả hỉ đã. Tin mừng đấy ạ
DUƠNG LỄ - Thôi, truyền cấm cửa! Mời ba bà ra ông hỏi.
HẦU PHÒNG – Mời ba bà ra cho ông dạy chuyện. [...]
(Duơng Lễ gọi ba bà vợ ra, hỏi trong ba bà, ai đi chăm nuôi bạn Lưu Bình ăn học giúp mình.
Ba bà, bà hai đều từ chối, chỉ có bà ba Châu Long nguyện đi nuôi bạn giúp chồng).
DUƠNG LỄ - Hâu con, mai bác Lưu Bình có vào thì con nhớ si nhục, đuổi đi, nghe con!
HẦU PHÒNG – Dạ! (cùng hạ)
CHÂU LONG (mang khăn gói lên đường, hát câu thiết tha) Thiếp vâng lời chàng năn nỉ thiết
tha
Ngọt ngào đầu lười, mặn mà bên tai
Đi ra mắc tiếng để đời
Không đi lại sợ lòng người biết bao
Tôi há quần công lênh nào (hạ)
LƯU BÌNH – Thương ơi, ngày hôm qua ra đường gặp gái
Tôi đi không lại trở về không

Ngày hôm nay tang tảng đông
Vào hầu sớm kéo quan ngài đi vắng
Thôi ngồi lại đứng
Từ tình sương cho đến chiều hôm
Chú hề ơi, chú có bấm dùm
Ở cũng dờ mà về cũng dờ.

HẦU PHÒNG – Tôi đã bấm với quan tôi rồi

LƯU BÌNH – Cậu bấm cho rồi ạ?

HẦU PHÒNG – Quan tôi cũng có nhận là bạn nhưng sau quan tôi nghĩ ra không phải là bạn. Quan quở tôi, đánh tôi đau quá. Bây giờ tôi nghĩ cái tình bác, tôi thương bác chưa làm nên nhưng sau này bác cũng làm nên như quan tôi. Chỗ quan tôi ngồi bác cứ ngồi mà nghĩ.

LƯU BÌNH – Bấm...tôi không dám ngồi ạ.

HẦU PHÒNG – Ô hay, trong thì quyền ngài, ngoài thì quyền tôi. Tôi cho ngồi thì cứ ngồi.

LƯU BÌNH – Xin vâng!

HẦU PHÒNG – Anh ta ở ngoài trông xấu xí thế mà ngồi vào chỗ của quan trông cũng tươi. Vết chân chữ mười lăm tôi xem nào?

LƯU BÌNH – Chữ mười lăm là chữ gì ạ?

HẦU PHÒNG – Là ba lần chữ ngũ ấy (trở mặt). Ai cho ngồi vào ghế quan hờ?

LƯU BÌNH – Cậu bảo tôi ngồi.

HẦU PHÒNG – Anh có ngồi thì anh cũng mời tôi một tiếng: Mời cậu ngồi chứ. Ờ thôi, tôi thương anh là học trò nghèo, tôi hỏi anh một câu mạch sách nhá. Anh giảng được thì tôi cho bát cơm ăn mà về.

Nghe đây. Chu công đông chinh, hoàng long phụ chu, Chu trung nhân cụ, Vũ ngưỡng thiên nhi thần viết: “Ngô thụ mệnh ư thiên? Câu đó nghĩa là: Ông Chu vác cái mình tinh chạy về đảng đông. Người ngồi trong thuyền rồng ăn cỗ, người vũ đi qua kêu: Ồi giời ơi, tao chịu tiền mày!” Có phải không?

LƯU BÌNH – Thưa cậu không phải thế ạ!

HẦU PHÒNG – (đánh Lưu Bình) Ai bảo không phải hả?

LƯU BÌNH – À, vâng, thưa cậu phải rồi ạ.

HẦU PHÒNG – Có thể chứ. Hôm qua tôi bấm cho bác, nhưng quan nói với tôi rằng: Bản cư trung thị vô nhân văn

Phú tại sơn làm hữu khách tâm

Ông tôi làm nên thì bát vạn tri âm

Khi sang trọng thì tam thiên bằng hữu

Ông tôi nói rằng: không phải bạn!...Chẳng qua là anh thấy người sang anh bắt quàng làm họ đó thôi. Nhưng tôi nghĩ cái tình anh với tôi, tôi hỏi thật: anh có đói không?

LƯU BÌNH – Bấm cậu, đói ạ.

HẦU PHÒNG – Đói vừa, đói quá hay đói lưng lưng...

LƯU BÌNH – Đói thật ạ!

HẦU PHÒNG – VẬY thì anh ngồi đây, để tôi vào xem có còn cơm tôi đem ra tôi cho. Đừng có mong, tôi vấp lại đó cơm đấy (lấy cơm ra) cơm đây!

LƯU BÌNH – Thương ơi,

*Thuở hàn vi, nhường cơm sẻ áo
Bạn bút nghiên, một sách một đèn
Tưởng cơm sung nhớ đến lúc cháo đèn
Ngồi nghĩ đến hai hàng lỗ chĩa
Chẳng ngờ ra lòng chìm dạ cá
Thầy mâm cơm nghĩ cực trăm chiều
Bát cơm hẩm, quả cà meo
Xót ruột lắm ăn làm sao được
Thà nhịn đói cầm hơi bát nước
Dạ nhưng nhưng quân tử lòng không
Sách có chữ rằng, quân tử cố cùng
Công đâu giận người dung nước lỗ...!
(Theo Hà Văn Cầu, Tuyển tập chèo cổ, NXB Văn hóa, 1976, tr.120-128)*

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích dẫn?

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn trích trên?

Câu 3. Thấy bạn đến, Dương Lễ đã làm gì?

Câu 4. Theo anh/chị vì sao Dương Lễ lại yêu cầu hầu phòng sĩ nhục, đuổi bạn đi?

Câu 5. Lời độc thoại “*Thuở hàn vi, nhường cơm sẻ áo/Bạn bút nghiên, một sách một đèn/Tưởng cơm sung nhớ đến lúc cháo đèn/Ngồi nghĩ đến hai hàng lỗ chĩa/Chẳng ngờ ra lòng chìm dạ cá/Thầy mâm cơm nghĩ cực trăm chiều*” thể hiện tâm trạng gì của Lưu Bình?

Câu 6. Vợ chèo cho em thấy tình bạn của Dương Lễ với Lưu Bình là một tình bạn một tình bạn như thế nào?

Câu 7. Theo em, hành động của Dương Lễ cho vợ bé đi nuôi bạn ăn học thành tài có mạo hiểm không? Vì sao?

Câu 8. Ngoài Lưu Bình Dương Lễ, trong văn học và đời sống em còn biết đến những đôi bạn nào, tình bạn nào đẹp? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về tình bạn ấy.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm) Chọn một trong hai đề sau:

1. Suy nghĩ của anh/ chị về vấn đề làm thế nào để có tình bạn đẹp trong cuộc sống.
2. Đóng vai là một nhà văn hóa trẻ, anh/chị hãy viết một văn bản bàn về vấn đề giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống trong chèo cổ hiện nay

----- **Hết** -----

